

**Xy lanh kẹp dạng ống thổi**  
**DHEB-8-E-D-S-P**  
Số bộ phận: 1320776

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                 | 8                                                             |
| Hành trình của kẹp dạng ống thổi                           | 3.5 mm                                                        |
| Đường kính kẹp tối thiểu                                   | 8 mm                                                          |
| Đường kính kẹp tối đa                                      | 11 mm                                                         |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                        | tác động đơn lẻ<br>đóng                                       |
| Chức năng kẹp                                              | Thích ứng                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                          | Màng co<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức                        |
| Dẫn hướng                                                  | Dẫn hướng cơ bản                                              |
| Phát hiện vị trí                                           | không có                                                      |
| Áp suất vận hành                                           | 5 bar...8 bar                                                 |
| đặt lại áp suất                                            | 1 bar                                                         |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                             | 4 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 10 ms                                                         |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)         | 30 ms                                                         |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364 Vùng III                                            |
| Phù hợp với thực phẩm                                      | xem thông tin tài liệu bổ sung                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 5 °C...60 °C                                                  |
| khoảng thời gian thay thế trung bình cho kẹp dạng ống thổi | 1 triệu lượt                                                  |
| Hướng dẫn giá trị tải trọng                                | 0.08 kg                                                       |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 15 g                                                          |
| Kiểu gắn                                                   | với ren ngoài<br>với đai ốc khóa<br>tùy ý:                    |
| Cổng nối khí nén                                           | M3                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                           | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Ống thổi vật liệu                                          | VMQ (Silicone)                                                |

| Đặc tính    | Giá trị          |
|-------------|------------------|
| Vật liệu vỏ | Nhôm<br>anốt hóa |